

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2022-2023)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn học: Truyền động điện (22807503)

Ngày thi: 23/08/2023

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: D6-32

Số SV có mặt: 32

Số bài thi: 32

Số tờ giấy thi: 34

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122150040	Huỳnh Duy	Bình	8/10/2004	CCQ2215A	1	8.3	8.5	8.4
2	2122150002	Trương Thanh	Bình	7/10/2003	CCQ2215A	1	7.4	4	5.4
3	2122150026	Hoàng Nguyễn Nhật	Đặng	9/8/2004	CCQ2215A	1	7.8	0	3.2
4	2122150027	Lữ Phan Thành	Đạt	12/2/2004	CCQ2215A	1	8.1	3	5.1
5	2122050008	Lưu Bá	Đông	27/07/1998	CCQ2205A	1	8.9	7.5	8.1
6	2121050041	Nguyễn	Đức	20/04/2003	CCQ2105B	1	7.5	5	6.0
7	2122050127	Nguyễn Ngọc	Đức	13/03/2004	CCQ2205D	02	9.1	10	9.7
8	2122180005	Đoàn Tất	Giáp	1/8/2004	CCQ2205C	1	8.3	4	5.7
9	2122150034	Nguyễn Xuân	Giáp	16/12/2004	CCQ2215A	1	8.8	4.5	6.2
10	2122150024	Huỳnh Thanh	Hào	2/3/2004	CCQ2215A	1	8.0	8	8.0
11	2122150023	Nguyễn Quốc	Hoài	8/1/2004	CCQ2215A	1	7.3	2.5	4.4
12	2122140064	Nguyễn Huy	Hoàng	23/02/2001	CCQ2205D	1	8.5	4	5.8
13	2122150036	Nguyễn Khắc Nam	Hoàng	21/03/2004	CCQ2215A	1	6.9	2	4.0
14	2122150021	Hoàng Văn	Huân	6/6/2004	CCQ2215A	1	8.8	5	6.5
15	2122150032	Vì Tuấn	Hùng	21/03/2004	CCQ2215A	1	8.8	7	7.7
16	2122050077	Nguyễn Công	Hung	12/12/2004	CCQ2205C	1	8.5	2.5	4.9
17	2122150074	Trần Quang	Huy	27/08/2004	CCQ2215C	1	8.5	9.5	9.1
18	2122030206	Phạm Tuấn	Khanh	31/12/2004	CCQ2215A	1	8.0	0	3.2
19	2122050083	Nguyễn Duy	Khánh	30/11/2004	CCQ2205C	1	8.9	6.5	7.5
20	2122050029	Lương Duy	Khoa	11/6/2003	CCQ2205A	1	8.6	7	7.7
21	2120170330	Nguyễn Văn	Khoa	5/11/2002	CCQ2005D	1	7.5	5	6.0
22	2122050086	Trần Đăng	Khoa	1/1/2004	CCQ2205C	1	8.8	5.5	6.8
23	2122150020	Trần Minh	Khôi	30/07/2001	CCQ2215A	1	6.6	7	6.9
24	2122050071	Nguyễn Công	Lập	2/9/2004	CCQ2205C	1	8.4	2.5	4.9
25	2122150015	Nguyễn Huỳnh Minh	Lý	12/4/2004	CCQ2215A	1	8.0	3	5.0
26	2122150101	Nguyễn Minh	Lý	28/12/2003	CCQ2215A	02	10.0	8	8.8
27	2122150004	Phan Văn	Lý	26/06/2004	CCQ2215A	1	8.1	0	3.3
28	2122150011	Lê Quốc	Mạnh	16/01/2004	CCQ2215A	1	8.5	0	3.4

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2022-2023)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Truyền động điện (22807503)

Ngày thi: 23/08/2023

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: D6-32

Số SV có mặt: 32

Số bài thi: 32

Số tờ giấy thi: 32

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2122150022	Nguyễn Đức Mạnh	1/3/2004	CCQ2215A	1	Manh	7.8	0	3.2
30	2122150094	Vũ Văn Minh	20/08/2004	CCQ2215A			5.8	V	
31	2122050075	Nguyễn Đình Ngọc	12/10/2003	CCQ2205C	1	Ngoc	8.3	1.5	4.2
32	2122170583	Huỳnh Thái Nhã	30/06/2004	CCQ2215B	1	Thuyet	8.5	7	7.6
33	2122050076	Lương Văn Nhân	20/02/2004	CCQ2205C	1	Nhan	5.9	2	3.6
34	2122150008	Lê Văn Phụng	25/11/2003	CCQ2215B			0.0	V	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2022-2023)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Truyền động điện (22807503)

Ngày thi: 23/08/2023

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: D6-33

Số SV có mặt: 32

Số bài thi: 32

Số tờ giấy thi: 34

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP
1	2120050054	Trương Bình Phước	18/05/2001	CCQ2005B	1	phước	7.3	2	4.1
2	2122150037	Đỗ Thế Quân	1/1/2004	CCQ2215B	1	Cao	8.1	1	3.9
3	2122050032	Lê Nam Quốc	26/03/2004	CCQ2205A	1	Quoc	8.5	7	7.6
4	2122150029	Cao Huỳnh Thái Sơn	20/07/2004	CCQ2215B	1	Son	7.5	6	6.6
5	2122150038	Nguyễn Tri Tài	7/2/2004	CCQ2215B	1	Tai	8.0	3.5	5.3
6	2122150007	Nguyễn Minh Tâm	27/10/2004	CCQ2215B	1	Tam	8.0	3	5.0
7	2122150086	Nguyễn Vũ Hoài Tấn	11/6/2004	CCQ2215B	2	Tan	7.8	4.5	5.8
8	2120110097	Huỳnh Văn Thà	26/05/2002	CCQ2005D			0.0		
9	2122050107	Lê Thanh Thái	24/07/2002	CCQ2205D			0.0		
10	2121050028	Nguyễn Sỹ Thiện	13/02/2002	CCQ2105A	1	Thien	7.5	2	4.2
11	2122150035	Huỳnh Văn Thịnh	28/09/2003	CCQ2215B	1	Thinh	7.0	2	4.0
12	2122150016	Nguyễn Xuân Thịnh	28/06/2004	CCQ2215B	1	Thinh	8.0	7.5	7.7
13	2121050026	Phạm Minh Thông	3/10/2003	CCQ2105A	1	Thong	7.5	7	7.2
14	2122150025	Phan Ngọc Thông	21/03/2004	CCQ2215B	1	Thong	7.5	4.5	5.7
15	2121050014	Lê Minh Thuận	13/09/2003	CCQ2105A	1	Thuan	7.5	6	6.6
16	2122050019	Nguyễn Văn Minh Thuận	12/3/2004	CCQ2205A	1	Thuan	8.8	6.5	7.4
17	2122050021	Phạm Văn Thiện Thuật	19/01/2001	CCQ2205A	1	Thuat	8.8	3.5	5.6
18	2122050081	Trương Lê Ngọc Tiên	6/11/2003	CCQ2205C	1	Tien	8.5	3.5	5.5
19	2120050128	Nguyễn Hoàng Tiến	11/4/2000	CCQ2005A	1	Tien	7.1	5	5.9
20	2122150006	Nguyễn Thành Tính	20/04/2004	CCQ2215B	1	Tinh	8.8	6	7.1
21	2122050078	Lê Minh Trí	7/12/2004	CCQ2205C	1	Tri	8.8	4.5	6.2
22	2122150019	Nguyễn Minh Trí	1/11/2003	CCQ2215B	1	Tri	7.8	4.5	5.8
23	2121050016	Trương Thanh Triều	6/10/2001	CCQ2105A	1	Triu	7.5	4.5	5.7
24	2122150042	Đặng Công Trinh	26/04/2004	CCQ2215B	1	Trinh	8.0	1	3.8
25	2122050035	Đào Phú Minh Trịnh	11/4/2004	CCQ2205A	1	Trinh	8.3	4.5	6.0
26	2122150031	Nguyễn Minh Trức	17/02/2004	CCQ2215B	2	Truc	8.8	3	5.3
27	2122150030	Hồ Quang Trung	28/10/2004	CCQ2215B	1	Trung	8.4	5	6.4
28	2122050085	Nguyễn Thành Trung	22/11/2004	CCQ2205C	1	Trung	7.5	5	6.0

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2022-2023)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Truyền động điện (22807503)

Ngày thi: 23/08/2023

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: D6-33

Số SV có mặt: 32

Số bài thi: 32

Số tờ giấy thi: 34

STT	Mã SV	Họ và Tên	Trung	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2122050111	Võ Thanh	Trung	20/06/2004	CCQ2205D			7.5		
30	2122150014	Nguyễn Văn	Truyền	25/10/2004	CCQ2215B	1	Truyền	8.5	3	5.2
31	2121050029	Võ Thành	Tuân	17/11/2003	CCQ2105A	1	Tuân	7.5	3	4.8
32	2122050123	Nguyễn Văn	Vin	1/4/2003	CCQ2205D	1	Vin	8.0	5	6.2
33	2122050103	Trần Anh	Vũ	8/5/2004	CCQ2205D	1	Trần Anh	8.3	6.5	7.2
34	2122150010	Trần Như Tuấn	Vũ	19/10/2003	CCQ2215B	1	Trần Như Tuấn	7.1	0	2.8
35	2121050024	Hồ Thanh	Xuân	25/01/2003	CCQ2105A	1	Hồ Thanh	7.5	1.5	3.9